

2. Điểm số học sinh

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3						
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																	
1. Tiếng Việt	427	427	121	64	28	12	1	148	67	42	19		158	89	38	22	4
Điểm 10		252	89	50	19	9		73	39	22	11		90	60	21	15	
Điểm 9		104	14	5	4			45	16	13	4		45	19	9	3	1
Điểm 8		41	7	5	2	2	1	19	7	5	3		15	6	4	2	
Điểm 7		13	4	2	1	1		6	3				3	1	1		1
Điểm 6		5	2		1			2	1	2	1		1				
Điểm 5		4	1		1			3	1								
Dưới điểm 5		8	4	2									4	3	3	2	2
2. Toán	427	427	121	64	28	12	1	148	67	42	19		158	89	38	22	4
Điểm 10		251	67	40	17	7	1	77	39	23	10		107	52	26	14	2
Điểm 9		109	38	16	9	3		40	15	10	3		31	22	6	4	1
Điểm 8		43	11	5	2	2		19	7	6	3		13	12	3	3	1
Điểm 7		12	1					7	3	2	2		4	2	1	1	
Điểm 6		4	2	2				2	1								
Điểm 5		5	1	1				3	2	1	1		1	1			
Dưới điểm 5		3	1										2		2		
3. TH-CN (Công nghệ)	158	158											158	89	38	22	4
Điểm 10		67											67	41	18	12	1
Điểm 9		64											64	33	8	4	1
Điểm 8		20											20	10	8	3	
Điểm 7		6											6	4	4	3	1
Điểm 6		1											1	1			1
Điểm 5																	
Dưới điểm 5																	
4. TH-CN (Tin học)	427	158											158	89	38	22	4
Điểm 10		113											113	64	27	16	2
Điểm 9		33											33	19	7	4	
Điểm 8		10											10	4	3	1	1
Điểm 7		1											1	1	1	1	
Điểm 6																	
Điểm 5		1											1	1			1
Dưới điểm 5																	
5. Ngoại ngữ	427	158											158	89	38	22	4
Điểm 10		31											31	13	9	5	1
Điểm 9		67											67	45	15	9	2
Điểm 8		26											26	13	3	1	
Điểm 7		18											18	10	6	4	
Điểm 6		14											14	7	4	3	

[illegible]